TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47 / 2017 / DS-ST
Ngày: 19 - 10 - 2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Công Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Phẩm
2/ Ông Cao Thành Phước

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Phụng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90 / 2016 / TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2016, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/ 2017/ QĐST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị Hồng V, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số A, Khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Tiến D, sinh năm 1953. Theo Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2017.

Địa chỉ: Số X, Phạm Thái B, Phường Y, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Bà Lê Thị Hồng N là luật sư - Văn phòng luật sư Lê Thị Hồng N thuộc đoàn luật sư tỉnh L.

Địa chỉ: Số S, Nguyễn Thái H, Phường F, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Thang Tuyết S, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/8/2014 âm lịch bà V có cho bà S vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) không có làm biên nhận, đến ngày 20/11/2015 âm lịch bà V cho bà S vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) không làm biên nhận. Tổng cộng bà S nợ bà V 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng, Sau khi vay từ ngày 20/11/2015 đến ngày khởi kiện bà S có đóng lãi nhiều lần được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Ngoài 02 lần vay tiền nêu trên bà V còn cho bà S vay tiền nhiều lần không tính lãi, có ghi trong sổ tay mà bà S cung cấp cho Tòa án cụ thể như sau:

- "10T- 4dl": Bà V cho bà S vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) không nhớ rõ tháng, năm từ khi vay đến nay bà S không trả vốn gốc.

- "6T- 22 âl": Bà V cho bà S vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) không nhớ rõ tháng, năm từ khi vay đến nay bà S không trả vốn gốc.

- "5T- 22 âl": Bà V cho bà S vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) không nhớ rõ tháng, năm từ khi vay đến nay bà S không trả vốn gốc.

- "5T-30 âl": Bà V cho bà S vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nhưng đã xong.

- "20 triệu – đứng": Bà V cho bà S vay 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) không nhớ rõ ngày, tháng, năm từ khi vay đến nay bà S không trả vốn gốc.

Tổng cộng bà S còn nợ bà V: 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng)

Ngày 31 tháng 8 năm 2016, tại trụ sở Ban nhân dân Khóm B, phường C, thành phố V bà S thừa nhận vay bà V số tiền 41.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tính lãi suất 30%/ tháng; 21.000.000 đồng còn lại tính lãi suất 5%/tháng. Bà V yêu cầu bà S Trả vốn gốc và trả lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Bà S hứa mỗi tháng trả vốn gốc và trả lãi 1.000.000 đồng. Bà V không đồng ý nên bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mang Thít giải quyết buộc bà Thang Tuyết S trả số tiền vay là 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Thang Tuyết S trình bày: Bà S không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Từ ngày 04 tháng 8 năm 2014 đến ngày 20 tháng 11 năm 2015 bà S có vay của bà V 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng). Bà S có cung cấp cho Tòa án quyển sổ tay do chính tay bà Tống Thị Hồng V ghi cụ thể như sau: " 10T- 4dl ; 6T- 22 âl; 5T- 22 âl; 5T-30 âl; 20T- đứng" cụ thể:

- "10T- 4dl": Bà S vay bà V 10.000.000đồng (mười triệu đồng) không nhớ rõ tháng, năm cụ thể, lãi suất 5% tháng mỗi tháng đóng lãi 500.000đồng, bà S đóng lãi đến tháng 3 (al) năm 2016 ngưng đóng đến nay.

- "6T- 22 âl": Bà S nợ tiền lãi bà V 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) là tiền lãi của tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Bà S không nhớ rõ ngày, tháng, năm vay.

- "5T- 22 âl": Bà S nợ tiền lãi bà V 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền lãi vay của tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Bà S cũng không nhớ rõ ngày, tháng , năm vay.

- "5T-30 âl": Bà S vay bà V 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng đã trả cho chồng bà V xong.

- "20T- đứng": Bà S vay bà V 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), nguồn gốc số nợ này do đầu năm 2014 bà S vay bà V 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) mỗi ngày đóng 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) tiền lãi, bà S đóng đến tháng 6 năm 2015 ngưng đóng đến cuối tháng 9 năm 2015 tính luôn vốn lãi còn nợ bà V số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau đó bà S đóng lãi mỗi ngày 200.000đ đóng được 02 tháng đến tháng 12 năm 2015 ngưng đóng.

Tổng cộng bà S thừa nhận có nợ bà V là 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng) nhưng trong khoản nợ này là tiền vốn gốc và tiền lãi nhập lại, chứ không phải toàn bộ là nợ tiền gốc như nguyên đơn trình bày.

Từ tháng 02 năm 2016 (âl) bà S bắt đầu trả dần mỗi lần trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) trả nhiều lần nhưng không nhớ rõ cụ thể ngày, tháng, năm trả. Đến ngày 18 tháng 4 năm 2016(âl) bà S đã trả được vốn và lãi của các khoản nợ nên trên là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Khi vay tiền cũng như khi trả nợ vay cho bà V không có làm biên nhận với bà V, không ai làm chứng, không có chứng cứ gì chứng minh. Hiện nay bà S thừa nhận còn nợ bà V 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bà S đồng ý trả bà V 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Ngày 31 tháng 8 năm 2016 bà S khẳng định có tham gia giải quyết vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay với bà V tại trụ sở Ban nhân dân Khóm B, phường C, thành phố V tuy nhiên do không hiểu biết nhiều nên bà S thừa nhận có nợ bà V số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng) trong đó có 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 30%/tháng còn lại số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) với lãi suất 5%/tháng, hứa mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn bảo lưu ý kiến, yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Thang Tuyết S trả số tiền vay vốn gốc là 41.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bảo lưu ý kiến, không có yêu cầu phản tố. bị đơn chỉ đồng ý trả nguyên đơn 10.000.000 đồng.

Trình bày người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Thang Tuyết S trả bà V số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Trình bày, phát biểu của Kiểm sát viên tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị Hồng V buộc bị đơn bà Thang Tuyết S trả tiền vay 41.000.000 đồng (Bốn Mươi mốt triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Điều 14, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Thang Tuyết S nộp theo qui định tuy nhiên bà S có đơn xin miễn, giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm một phần án phí cho bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào vào ồi liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Hợp đồng vay tài sản " theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét, bà Tống Thị Hồng V có cho bà Thang Tuyết S vay tiền nhiều lần. trong đó có số tiền vay 41.000.000 đồng (bốn mươi mốt triệu đồng), bị đơn Thang Tuyết S thừa nhận còn nợ tiền vay bà Tống Thị Hồng V 41.000.000 đồng bao gồm tiền

gốc và lãi nhập lại. Bà S đã trả được 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng) trả nhiều lần mỗi lần trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); 5.000.000 đồng

(năm triệu đồng) hiện nay còn nợ bà V 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nên hợp đồng vay tiền giữa bà V và bà S là có thật được hai bên thừa nhận đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bà S còn nợ bà V số tiền vay 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng) là có thật, được thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sợ vụ án. Cụ thể bà V có cung cấp cho Tòa án biên bản hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2016 tại trụ sở Ban nhân dân Khóm B, phường C, thành phố V, trong biên bản có nội dung bà S đã thừa nhận có nợ tiền vay của bà V số tiền 41.000.000đồng, mặc khác bà S có cung cấp cho Tòa án quyển sổ tay trong đó bà S thừa nhận còn nợ tiền vốn, tiền lãi bà V nhiều lần tổng cộng là 41.000.000 đồng. Bà S cho rằng, từ tháng 02 năm 2016 (âl) bà S bắt đầu trả dần trả nhiều lần, mỗi lần trả từ 3.000.000đồng, đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trả đến ngày 18 tháng 4 năm 2016(âl) bà S đã trả được vốn và lãi được 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng) là không có căn cứ chấp nhận vì nguyên đơn không thừa nhận, bà S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Từ những nhận định trên, buộc bà Thang Tuyết S trả bà Tống Thị Hồng V số tiền vay 41.000.000 đồng là đúng theo qui định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Thang Tuyết S nộp án phí theo quy định pháp luật. Nhưng bà S có đơn xin miễn, giảm án phí do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên chấp nhận giãm 50% tiền án phí cho bà S là phù hợp với quy định tại Điều 14 của pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 14, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị Hồng V.

Buộc bị đơn bà Thang Tuyết S trả nguyên đơn bà Tống Thị Hồng V số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Giảm 50% tiền án phí cho bị đơn Thang Tuyết S do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, có xác nhận của Ủy ban Nhân dân xã T. Buộc bị đơn bà Thang Tuyết S nộp 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả nguyên đơn bà Tống Thị Hồng V số tiền tạm ứng án phí 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện Mang Thít theo lai thu số N^0 0005288 ngày 18/10/2016.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- *TAT (01 bản);*
- *VKSND huyện MT(01 bản);*
- *Thi hành án dân sự huyện MT(01 bản);*
- *Các đương sự (02 bản).*
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo